NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 26
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ 01/04/2010 đến 31/03/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy Tính Truyền thông và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/02/2007 và thay đổi lần 04 vào ngày 21 tháng 12 năm 2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 được thay đổi lần 04 ngày 21 tháng 12 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ, thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản;
- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

Vốn điều lệ của Công ty là 720.000.000.000 VND (Bảy trăm hai mươi tỷ Việt Nam đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Tòa nhà CMC Tower - Lô C1A - Cụm Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ - Phường Dịch Vọng Hậu - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

- Văn phòng Công ty.
- Chi nhánh Công ty tại Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Thế Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Trung Chính	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Văn Tiền	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Phước Hải	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Kim Cương	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Đức	Ủy viên HĐQT
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Xuân Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/12/2010
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc Tài chính	

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Đức Khương	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Tạ Hoàng Linh	Ủy viên Ban kiểm soát
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên Ban kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ 01/04/2010 đến 31/03/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

NGUYỄN TRUNG CHÍNH
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2011

Số: 581A /2011/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/04/2010 đến 31/03/2011
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được lập ngày ngày 25 tháng 05 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/04/2010 đến 31/03/2011 được trình bày từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tại ngày 31 tháng 03 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ 01/04/2010 đến 31/03/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

NGÔ ĐỨC ĐOÀN
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

ĐOÀN THỊ THÚY
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0937/KTV

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2011 VND	01/04/2010 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**417.386.210.831**	**418.507.121.744**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**5.041.745.344**	**29.753.809.265**
111	1. Tiền		5.041.745.344	29.753.809.265
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**1.305.320.000**	**4.888.835.000**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.305.320.000	4.888.835.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**401.245.575.789**	**371.022.995.450**
131	1. Phải thu khách hàng		333.121.668.366	255.937.114.436
132	2. Trả trước cho người bán		20.190.078.967	46.666.201.492
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	5	43.822.166.357	47.537.221.166
135	5. Các khoản phải thu khác	6	4.111.662.099	20.882.458.356
140	**IV. Hàng tồn kho**	7	**910.865.921**	**2.446.964.620**
141	1. Hàng tồn kho		910.865.921	2.446.964.620
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**8.882.703.777**	**10.394.517.409**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	814.564.605	436.282.342
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.942.952.186	4.145.530.177
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	1.980.191.259	580.978.770
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	10	4.144.995.727	5.231.726.120
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**694.944.640.740**	**741.950.643.132**
220	**II. Tài sản cố định**		**341.511.435.329**	**241.555.460.169**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	300.058.857.592	416.468.240
222	*- Nguyên giá*		*305.621.988.167*	*4.445.704.971*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế (*)*		*(5.563.130.575)*	*(4.029.236.731)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	71.888.888	-
228	*- Nguyên giá*		*104.994.688*	*20.994.688*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế (*)*		*(33.105.800)*	*(20.994.688)*
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	41.380.688.849	241.138.991.929
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	14	**352.927.716.400**	**500.040.316.400**
251	1. Đầu tư vào công ty con		339.735.536.000	338.348.136.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		10.515.136.000	10.515.136.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		2.677.044.400	151.177.044.400
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**505.489.011**	**354.866.563**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	372.276.711	211.289.263
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	133.212.300	143.577.300
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.112.330.851.571**	**1.160.457.764.876**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2011 VND	01/04/2010 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**441.182.471.549**	**513.236.992.238**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**315.935.955.774**	**273.793.085.874**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	113.384.877.974	99.454.631.695
312	2. Phải trả người bán		13.001.842.694	20.671.798.443
313	3. Người mua trả tiền trước		2.440.997.895	11.149.270.658
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.143.131.931	5.781.748.076
315	5. Phải trả người lao động		645.879.623	227.398.706
316	6. Chi phí phải trả		-	-
317	7. Phải trả nội bộ	19	180.295.419.122	133.966.091.339
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	1.718.482.449	2.531.466.513
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.305.324.086	10.680.444
330	**II. Nợ dài hạn**		**125.246.515.775**	**239.443.906.364**
333	3. Phải trả dài hạn khác		8.723.468.542	1.097.589.020
334	4. Vay và nợ dài hạn	21	113.486.864.812	238.166.214.520
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		139.614.074	180.102.824
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		2.896.568.347	-
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**671.148.380.022**	**647.220.772.638**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**22**	**671.148.380.022**	**647.220.772.638**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		635.362.670.000	635.362.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.895.512.634	14.729.660.000
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.002.990.634)	(1.802.380.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	1.014.408.784
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.893.188.022	(2.083.586.146)
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.112.330.851.571**	**1.160.457.764.876**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/03/2011	01/04/2010
5. Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ	*USD*		*72.956,06*	*70.172,28*
- Bảng Anh	*GBP*		*154,66*	*161,26*
- Đồng EURO	*EUR*		*58,48*	*72,46*
- Đô la Singapore	*SGD*		*652,31*	*674,39*

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2011

Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc
NGUYỄN VIỆT HƯNG	LÊ THANH SƠN	NGUYỄN TRUNG CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính từ 01/04/2010 đến 31/03/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011 VND	Từ 01/04/2009 đến 31/03/2010 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**23**	**633.762.789.905**	**719.223.750.287**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		122.129.820	103.367.209
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**633.640.660.085**	**719.120.383.078**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**24**	**607.742.907.920**	**684.355.155.378**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**25.897.752.165**	**34.765.227.700**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	111.128.140.721	95.354.755.539
22	7. Chi phí tài chính	26	11.127.144.973	9.197.720.793
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*8.251.617.235*	*9.076.887.976*
24	8. Chi phí bán hàng		4.537.017.212	2.542.190.318
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		16.536.158.071	14.540.211.563
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**104.825.572.630**	**103.839.860.565**
31	11. Thu nhập khác		1.797.861.712	1.280.666.386
32	12. Chi phí khác		1.759.456.541	1.839.252.770
40	**13. Lợi nhuận khác**		**38.405.171**	**(558.586.384)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	27	**104.863.977.801**	**103.281.274.181**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		2.086.051.677	6.014.460.709
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**102.777.926.124**	**97.266.813.472**

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2011

Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc
NGUYỄN VIỆT HƯNG	LÊ THANH SƠN	NGUYỄN TRUNG CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính từ 01/04/2010 đến 31/03/2011

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011 VND	Từ 01/04/2009 đến 31/03/2010 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		641.840.515.832	736.277.769.561
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(577.555.224.099)	(617.931.936.396)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.002.800.001)	(7.244.124.428)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(9.303.662.680)	(4.317.271.093)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.989.035.526)	(2.074.249.345)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		159.111.922.961	151.418.359.764
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(124.655.051.616)	(85.634.791.399)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***73.446.664.871***	***170.493.756.664***
	II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(101.501.980.116)	(141.679.573.621)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	74.994.218
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.720.500.242)	(24.871.635.219)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		14.304.015.242	9.901.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.387.400.000)	(22.922.627.055)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		148.500.000.000	5.364.889.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28.311.198.861	1.682.872.720
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***77.505.333.745***	***(172.449.579.957)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(342.138.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		294.042.251.014	377.746.460.634
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(404.827.377.351)	(296.560.455.813)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(64.878.936.200)	(55.918.020.866)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(175.664.062.537)***	***24.925.845.955***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(24.712.063.921)**	**22.970.022.662**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**29.753.809.265**	**6.783.149.603**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**3**	**5.041.745.344**	**29.753.172.265**

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2011

Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc
NGUYỄN VIỆT HƯNG	LÊ THANH SƠN	NGUYỄN TRUNG CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ 01/04/2010 đến 31/03/2011

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy Tính Truyền thông và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/02/2007 và thay đổi lần 04 vào ngày 21 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tòa nhà CMC Tower - Lô C1A - Cụm Tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ - Phường Dịch Vọng Hậu - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 720.000.000.000 VND (Bảy trăm hai mươi tỷ Việt Nam đồng).

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tại Thành phố HCM	Quận 5 - Thành phố HCM	Công nghệ thông tin, viễn thông và kinh doanh điện tử

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Máy tính CMS	Tầng 13 - Tòa nhà CMC Tower	Sản xuất và lắp ráp máy tính Thương hiệu Việt Nam, phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin.
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Tầng 14 - Tòa nhà CMC Tower	Sản xuất phần mềm, cung cấp giải pháp phần mềm, cung cấp các dịch vụ phần mềm và nội dung, cung cấp dịch vụ thuê ngoài phần mềm, giải pháp ERP.
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC (CSI)	Tầng 15, 16 - Tòa nhà CMC Tower	Cung cấp các giải pháp tổng thể chuyên ngành; cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế và tích hợp các giải pháp; dịch vụ đào tạo CNTT và cung cấp các sản phẩm CNTT-VT.
Công ty TNHH Phân phối CMC	Tầng 12 - Tòa nhà CMC Tower	Phân phối các sản phẩm Công nghệ thông tin và Viễn thông.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC	Tầng 15 - Tòa nhà CMC Tower	Cung cấp dịch vụ viễn thông cố định và internet; cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ gia tăng; cung cấp dịch vụ nội dung số, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; cung cấp các dịch vụ tích hợp CNTT-VT.
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Tầng 13 - Tòa nhà CMC Tower	Cung cấp các giải pháp, phần mềm, dịch vụ bảo mật hệ thống, an ninh an toàn thông tin.
Công ty TNHH CMC Blue France	Cộng Hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài công nghệ thông tin (ITO) và dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp (BPO).

Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Segmenta – CMC	Tầng 13 - Tòa nhà CMC Tower	Sản xuất phần mềm, cung cấp các dịch vụ phần mềm ERP của SAP, đào tạo và cung cấp nhân lực tư vấn phần mềm cao cấp.
Công ty Cổ phần NetNam	Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ về mạng Internet

Công ty liên kết đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần dịch vụ Viễn thông CMC

Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Tầng 15 - Tòa nhà CMC Tower	Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông cố định và internet.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103015824 được thay đổi lần 04 ngày 21 tháng 12 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ, thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản;
- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Từ năm 2010, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng
Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản phải thu

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.5 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải	5-6 năm
- Thiết bị văn phòng	3 năm
- Các tài sản khác	3 năm

2.7 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là công trình xây dựng tòa nhà Tri Thức được ghi nhận tại từng thời điểm nghiệm thu giai đoạn với nhà thầu và theo giá trị trên hóa đơn do nhà thầu phát hành. Chi phí xây dựng cơ bản khác được ghi nhận theo giá trị thanh toán giữa các bên.
Khi Tòa nhà tri thức đưa vào sử dụng, Công ty tạm ghi tăng Nguyên giá Tài sản cố định theo giá trị trên Dự toán.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Giá trị dự phòng trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được giảm trừ trực tiếp vào giá gốc đầu tư chứng khoán và không trình bày tách biệt vào khoản mục dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.
Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Tiền mặt	102.305.914	1.775.145.474
Tiền gửi ngân hàng	4.939.439.430	27.978.663.791
	5.041.745.344	**29.753.809.265**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	1.912.335.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.305.320.000	2.976.500.000
	1.305.320.000	**4.888.835.000**

5 . PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	11.661.605	88.184.999
Công ty TNHH máy tính CMS	15.454.627.870	30.838.363.606
Công ty TNHH phân phối CMC	10.538.600.480	14.619.538.393
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC	9.284.052.306	25.044.561
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông	1.000.313.466	4.186.981
Công ty TNHH Tích hợp Hệ Thống	837.303.826	22.490.171
Công ty Cổ phần An ninh An Toàn Thông tin CMC	2.997.236.104	1.939.412.455
Công ty TNHH CMC Blue France	3.698.370.700	-
	43.822.166.357	**47.537.221.166**

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Phải thu về lãi cho vay	460.588.035	8.095.168.059
TK tạm giữ liên doanh Dự án Hạ tầng Kỹ thuật	1.136.451.002	3.650.111.000
Phải thu khác	2.514.623.062	9.137.179.297
	4.111.662.099	**20.882.458.356**

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	8.200.000	-
Hàng hóa	902.665.921	2.446.964.620
	910.865.921	**2.446.964.620**

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	144.618.155	25.950.970
Thiết kế website	-	110.874.000
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	472.608.862	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	197.337.588	299.457.372
	814.564.605	**436.282.342**

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	471.772.276	272.369.892
Thuế xuất nhập khẩu	1.508.418.983	308.608.878
	1.980.191.259	**580.978.770**

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2011 VND	01/04/2010 VND
Tạm ứng	3.915.782.727	3.277.147.467
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	229.213.000	1.954.578.653
	4.144.995.727	**5.231.726.120**

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	**20.994.688**	-	**20.994.688**
Số tăng trong kỳ	-	84.000.000	84.000.000
- Mua TSCĐ trong kỳ	-	*84.000.000*	*84.000.000*
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**20.994.688**	**84.000.000**	**104.994.688**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	**20.994.688**	-	**20.994.688**
Số tăng trong kỳ	-	12.111.112	12.111.112
- Khấu hao TSCĐ trong kỳ	-	*12.111.112*	*12.111.112*
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**20.994.688**	**12.111.112**	**33.105.800**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	**71.888.888**	**71.888.888**

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/03/2011 VND	01/04/2010 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	**41.380.688.849**	**241.138.991.929**
Xây dựng Tòa nhà tri thức	13.189.954.213	239.761.958.779
Xây dựng nhà trạm Thành phố HCM	10.111.227.682	1.377.033.150
Dự án ERP	17.273.994.514	-
Dự án Future Lab	209.471.225	-
Dự án Appliance Server	596.041.215	-
	41.380.688.849	**241.138.991.929**

14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	**339.735.536.000**	**338.348.136.000**
Công ty TNHH Máy tính CMS	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông CMC	98.391.000.000	98.391.000.000
Công ty TNHH Phân Phối CMC	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty CP An ninh An toàn Thông tin CMC	5.980.000.000	5.980.000.000
Công ty TNHH CMC Blue France	5.364.536.000	3.977.136.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**10.515.136.000**	**10.515.136.000**
Công ty Liên doanh Segmenta - CMC	4.990.000.000	4.990.000.000
Công ty Cổ phần Net Nam	5.525.136.000	5.525.136.000
Đầu tư dài hạn khác	**2.677.044.400**	**151.177.044.400**
Công ty Vijasgate	627.044.400	627.044.400
Đầu tư trái phiếu	50.000.000	50.000.000
Đại học quốc tế Bắc Hà	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng Bảo Việt (*)	-	148.500.000.000
	352.927.716.400	**500.040.316.400**

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC chuyển nhượng quyền bán cổ phần Ngân hàng Bảo Việt.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Máy tính CMS	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất, lắp ráp, phân phối máy tính
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Hà Nội	100%	100%	Dịch vụ phần mềm
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các giải pháp về CNTT
Công ty CP Dịch vụ Viễn Thông CMC	Hà Nội	93,04%	93,04%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty TNHH Phân Phối CMC	Hà Nội	100%	100%	Phân phối các sản phẩm CNTT
Công ty CP An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	99,66%	99,66%	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin
Công ty TNHH CMC Blue France	Pháp	100%	100%	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Net Nam	Hà Nội	43,8%	43,8%	Cung cấp dịch vụ về mạng Internet
Công ty Cổ phần Liên doanh Segmenta - CMC (*)	Hà Nội	49,9%	49,9%	Sản xuất, cung cấp dịch vụ phần mềm

(*): Công ty Cổ phần liên doanh Segmenta - CMC được đổi tên thành Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ hai ngày 13/04/2011 do UBND Thành phố Hà Nội cấp.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011
	VND
Số dư đầu kỳ	211.289.263
Số tăng trong kỳ	232.550.278
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	64.685.028
Số đã kết chuyển vào chi phí XDCB	6.877.802
Số dư cuối kỳ	**372.276.711**

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	285.957.730	157.957.103
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	32.986.821	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	53.332.160	53.332.160
	372.276.711	**211.289.263**

16 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	133.212.300	143.577.300
	133.212.300	**143.577.300**

17 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	**87.134.877.974**	**99.454.631.695**
Vay ngân hàng	75.682.404.876	64.590.090.573
Vay đối tượng khác	11.452.473.098	34.864.541.122
Nợ dài hạn đến hạn trả	**26.250.000.000**	-
	113.384.877.974	**99.454.631.695**

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	21.197.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.820.695.617	5.721.198.506
Thuế thu nhập cá nhân	322.436.314	39.352.323
	2.143.131.931	**5.781.748.076**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	7.223.149.654	19.867.459.846
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	172.368.445.387	108.274.322.708
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC	-	5.824.308.785
Công ty Cổ phần Liên doanh Segmenta - CMC	703.824.081	-
	180.295.419.122	**133.966.091.339**

20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	171.968.628	99.233.540
Bảo hiểm xã hội	48.401.300	35.915.756
Bảo hiểm y tế	12.687.950	67.846.061
Bảo hiểm thất nghiệp	5.317.300	10.208.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.480.107.271	2.318.262.656
	1.718.482.449	**2.531.466.513**

21 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2011	01/04/2010
	VND	VND
Vay ngân hàng	113.486.864.812	138.556.664.520
Vay đối tượng khác	-	99.609.550.000
	113.486.864.812	**238.166.214.520**

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 2.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2010/NQĐHĐCĐ ngày 15/5/2010, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10%	12.330.697.044
Chi trả cổ tức	17%	107.763.907.900

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011	Từ 01/04/2009 đến 31/03/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*635.362.670.000*	*635.362.670.000*
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	*635.362.670.000*	*635.362.670.000*

c) Cổ phiếu

	31/03/2011	01/04/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.536.267	63.536.267
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63.536.267	63.536.267
- Cổ phiếu phổ thông	*63.536.267*	*63.536.267*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	99.259	178.369
- Cổ phiếu phổ thông	*99.259*	*178.369*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.437.008	63.357.898
- Cổ phiếu phổ thông	*63.437.008*	*63.357.898*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011	Từ 01/04/2009 đến 31/03/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	633.762.789.905	719.223.750.287
	633.762.789.905	**719.223.750.287**

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011	Từ 01/04/2009 đến 31/03/2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ	607.742.907.920	684.355.155.378
	607.742.907.920	**684.355.155.378**

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011	Từ 01/04/2009 đến 31/03/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.502.927.773	23.817.391.130
Cổ tức lợi nhuận được chia	96.897.771.094	68.331.383.758
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.521.565.801	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.205.876.053	3.205.980.651
	111.128.140.721	**95.354.755.539**

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011	Từ 01/04/2009 đến 31/03/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.251.617.235	9.076.887.976
Lỗ bán chứng khoán	46.575.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.533.667.537	-
Chi phí tài chính khác	295.285.201	120.832.817
	11.127.144.973	**9.197.720.793**

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	104.863.977.801
Các khoản điều chỉnh tăng	378.000.000
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	*378.000.000*
Các khoản điều chỉnh giảm	96.897.771.094
- Cổ tức lợi nhuận được chia	*96.897.771.094*
Thu nhập chịu thuế TNDN	8.344.206.707
Thuế TNDN theo thuế suất 25%	2.086.051.677
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**2.086.051.677**
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	5.519.223.317
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	5.721.198.506
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.989.035.526)
Bù trừ thuế TNDN bổ sung và thuế GTGT được hoàn theo biên bản quyết toán năm 2007 (Quyết định số 10976/TB-CT-KTrT4 ngày 01/07/2010)	(3.516.742.357)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**1.820.695.617**

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011
		VND
Góp vốn vào Công ty		
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	1.387.400.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Máy tính CMS	Công ty con	334.647.127
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	5.701.749.765
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	11.956.668.236
Công ty TNHH Phân phối CMC	Công ty con	2.750.416.408
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC	Công ty con	1.892.384.205
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	1.011.834.453
Công ty Cổ phần liên doanh Segmenta - CMC	Công ty liên kết	1.258.189.271
Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC	Công ty liên kết	1.342.645.950
Mua hàng hóa, công cụ dụng cụ		
Công ty TNHH Máy tính CMS	Công ty con	228.850.580
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	11.187.863.561
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	466.442.687.172
Công ty TNHH Phân phối CMC	Công ty con	121.968.055
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC	Công ty con	6.634.829
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	59.600.000
Dịch vụ được cung cấp		
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	29.806.743.961
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	56.369.310.468
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	4.112.900.000
Lãi từ cho vay		
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	646.485.640
Công ty TNHH Phân phối CMC	Công ty con	2.160.946.797
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC	Công ty con	664.956.451
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	150.877.524
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty TNHH Máy tính CMS	Công ty con	8.753.836.010
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	24.304.869.490
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	27.093.745.367
Công ty TNHH Phân phối CMC	Công ty con	34.740.185.527

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/03/2011	01/04/2010
		VND	VND
Phải thu			
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	Công ty con	11.661.605	88.184.999
Công ty TNHH máy tính CMS	Công ty con	15.454.627.870	30.838.363.606
Công ty TNHH phân phối CMC	Công ty con	10.538.600.480	14.619.538.393
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC	Công ty con	9.284.052.306	25.044.561
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty liên kết	1.000.313.466	4.186.981
Công ty TNHH Tích hợp Hệ Thống	Công ty con	837.303.826	22.490.171
Công ty Cổ phần An ninh An Toàn Thông tin CMC	Công ty con	2.997.236.104	1.939.412.455
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	3.698.370.700	-
Phải trả			
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	Công ty con	7.223.149.654	19.867.459.846
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Công ty con	172.368.445.387	108.274.322.708
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC	Công ty con	-	5.824.308.785
Công ty CP Liên doanh Segmenta - CMC	Công ty liên kết	703.824.081	-

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2009 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2011

Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc
NGUYỄN VIỆT HƯNG	LÊ THANH SƠN	NGUYỄN TRUNG CHÍNH

Phụ lục 1 : Tă

ản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	1.668.897.500	2.776.807.471	**4.445.704.971**
Số tăng trong kỳ	212.282.253.462	87.082.017.879	-	1.825.916.772	301.190.188.113
- Mua trong kỳ	-	-	-	*1.825.916.772*	*1.825.916.772*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*212.282.253.462*	*87.082.017.879*	-	-	*299.364.271.341*
- Giảm khác	-	-	-	(13.904.917)	(13.904.917)
Số dư cuối kỳ	-	-	-	*(13.904.917)*	*(13.904.917)*
	212.282.253.462	**87.082.017.879**	**1.668.897.500**	**4.588.819.326**	**305.621.988.167**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	1.668.897.500	**2.360.339.231**	**4.029.236.731**
Số tăng trong kỳ	396.048.981	725.683.482	-	412.161.381	1.533.893.844
- Khấu hao trong kỳ	*396.048.981*	*725.683.482*	-	*412.161.381*	*1.533.893.844*
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**396.048.981**	**725.683.482**	**1.668.897.500**	**2.772.500.612**	**5.563.130.575**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	416.468.240	416.468.240
Tại ngày cuối kỳ	**211.886.204.481**	**86.356.334.397**	-	**1.816.318.714**	**300.058.857.592**

Phụ lục 2 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	**635.362.670.000**	**14.729.660.000**	**(1.802.380.000)**	**1.014.408.784**	**(2.083.586.146)**	**647.220.772.638**
Thặng dư do bán cổ phiếu quỹ	-	165.852.634	-	-	-	165.852.634
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	799.389.366	-	-	799.389.366
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	102.777.926.124	102.777.926.124
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(64.864.948.100)	(64.864.948.100)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.797.714.913)	(2.797.714.913)
Giảm khác	-	-	-	(1.014.408.784)	(11.138.488.943)	(12.152.897.727)
Số dư cuối kỳ	**635.362.670.000**	**14.895.512.634**	**(1.002.990.634)**	**-**	**21.893.188.022**	**671.148.380.022**